

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2011/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 30 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định thu phí bảo vệ môi trường
đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính Phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Nghị định số 26/2010/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2010 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 8 Nghị định 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính Phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 03 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2003/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2003/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2003 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2003 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Thông tư Liên tịch số 106/2007/TTLT-BTC-BTNMT ngày 06 tháng 9 năm 2007 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số

125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2003 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Thông tư liên tịch số 107/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2003 và Thông tư Liên tịch số 106/2007/TTLT-BTC-BTNMT ngày 06 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị quyết số 250/2011/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XIII - kỳ họp thứ 03 về việc quy định thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên như sau:

1. Đối tượng

1.1. Đối tượng chịu phí: Hộ gia đình, đơn vị, tổ chức có nước thải theo quy định tại Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2003 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt, gồm:

- a) Hộ gia đình;
- b) Cơ quan nhà nước;
- c) Đơn vị vũ trang nhân dân;
- d) Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân;
- e) Các cơ sở rửa ô tô, xe máy;
- g) Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác;
- h) Các đối tượng khác có nước thải sinh hoạt không thuộc đối tượng nêu trên.

1.2. Đối tượng không chịu phí: Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình (không hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ) ở những địa bàn chưa có hệ thống cấp nước sạch, bao gồm:

- a) Toàn bộ các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện: Điện Biên, Điện Biên Đông, Mường Nhé, Mường Ảng và thị xã Mường Lay.

b) Toàn bộ các xã (trừ thị trấn) thuộc các huyện: Mường Chà, Tủa Chùa, Tuần Giáo.

c) Nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình chưa được cấp nước sạch của 2 xã Thanh Minh và Tà Lèng thuộc thành phố Điện Biên Phủ.

2. Mức thu phí

2.1. Đối với địa bàn có hệ thống cấp nước sạch:

Hộ gia đình, đơn vị, tổ chức sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước của các đơn vị sản xuất và kinh doanh nước sạch và hộ gia đình, đơn vị, tổ chức sử dụng nước tự khai thác, mức thu phí như sau:

a) Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sử dụng vào mục đích sinh hoạt là 3% (ba phần trăm) trên giá bán $1m^3$ (một mét khối) nước sạch của đơn vị sản xuất và kinh doanh nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

b) Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ là 10% (mười phần trăm) trên giá bán $1m^3$ (một mét khối) nước sạch của đơn vị sản xuất và kinh doanh nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2.2. Đối với địa bàn chưa có hệ thống cấp nước sạch:

- Đơn vị, tổ chức sử dụng nước tự khai thác vào mục đích sinh hoạt, mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là 2% (hai phần trăm) trên giá bán $1m^3$ (một mét khối) nước sạch của đơn vị sản xuất và kinh doanh nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

- Hộ gia đình, đơn vị, tổ chức sử dụng nước tự khai thác vào mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là 7% (bảy phần trăm) trên giá bán $1m^3$ (một mét khối) nước sạch của đơn vị sản xuất và kinh doanh, dịch vụ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

* Giá bán $1m^3$ (một mét khối) nước sạch thực hiện theo quy định hiện hành của UBND tỉnh nhưng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp địa phương chưa được quy định đơn giá tiêu thụ nước sạch và địa bàn chưa có hệ thống cấp nước sạch thì việc xác định giá bán $1m^3$ (một mét khối) nước sạch được áp dụng đơn giá của địa phương có mức giá thấp nhất theo quy định hiện hành của UBND tỉnh.

3. Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được xác định như sau:

Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt phải nộp (đồng)	=	Số lượng nước sạch sử dụng của đối tượng nộp phí (m^3)	x	Giá bán nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng ($đồng/m^3$)	x	Tỷ lệ thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định (%)
--	---	--	---	---	---	---

Số lượng nước sạch sử dụng được xác định như sau:

a) Trường hợp sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước của các đơn vị sản xuất và kinh doanh nước sạch được xác định theo đồng hồ đo lượng nước sạch tiêu thụ thực tế của đối tượng nộp phí.

b) Đối với trường hợp tự khai thác nước:

- Trường hợp tự khai thác nước sử dụng vào mục đích sinh hoạt: Số lượng nước sử dụng được xác định căn cứ vào số người theo sổ hộ khẩu gia đình (đối với hộ gia đình) hoặc bảng chấm công, bảng lương, hợp đồng lao động (đối với tổ chức không sản xuất, kinh doanh) và lượng nước sạch sử dụng bình quân đầu người trong xã, phường, thị trấn.

- Sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Số lượng nước sạch sử dụng được xác định căn cứ vào quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tự kê khai của cơ sở và xác định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

4. Đơn vị thu phí

a) Các đơn vị sản xuất và kinh doanh nước sạch tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân là đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đồng thời với việc thu tiền sử dụng nước sạch.

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác định và thu phí của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự khai thác nước để sử dụng thuộc đối tượng phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn.

5. Quản lý và sử dụng phí thu được

a) Các đơn vị sản xuất và kinh doanh nước sạch nộp ngân sách 95% (chín mươi năm phần trăm) trên tổng số phí thu được, để lại 5% (năm phần trăm) phục vụ công tác thu phí; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nộp ngân sách 90% (chín mươi năm phần trăm) trên tổng số phí thu được, để lại 10% (mười phần trăm) phục vụ công tác thu phí.

b) Thủ tục thu, nộp, thời gian nộp ngân sách và quản lý, sử dụng, quyết toán số tiền phí thu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

6. Thời điểm áp dụng

Việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan thuế có trách nhiệm: kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và thực hiện quyết toán việc thu, nộp tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các đơn vị cung cấp nước sạch, UBND xã, phường, thị trấn.

2. Cơ quan tài chính có trách nhiệm: phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi và quyết toán phần phí để lại theo quy định;

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm: phối hợp với các ngành liên quan, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các xã, phường, thị trấn thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Mùa A Sơn